

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
ĐHCQ K10_KỲ II_NĂM HỌC 2024-2025

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	Dương Phương Anh	08/10/2004	1001020024	KD10A	000001	143	3.6	03
2	Lục Thảo Anh	29/02/2004	1001021472	KD10A	000002	215	9.0	03
3	Nguyễn Minh Anh	09/07/2004	1001020931	KD10A	000003	358	5.8	03
4	Nguyễn Thị Huệ Anh	09/07/2002	0810210183	KD10A	000004	489	5.2	03
5	Nguyễn Thị Ngọc Anh	03/01/2003	1001020044	KD10A	000005	562	6.6	03
6	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/12/2004	1001021513	KD10A	000006	631	7.8	03
7	Trần Thị Ngọc Ánh	07/12/2003	1001020067	KD10A	000007	726	6.2	03
8	Hà Linh Chi	17/12/2004	1001020073	KD10A	000008	894	4.6	03
9	Nguyễn Thanh Chúc	02/08/2004	1001020077	KD10A	000009	143	7.6	03
10	Đào Thị Thùy Dương	05/11/2004	1001020092	KD10A	000010	215	7.0	03
11	Phạm Thị Mỹ Duyên	27/07/2004	1001020097	KD10A	000011			03
12	Trịnh Thị Ngọc Hiền	24/11/2004	1001020970	KD10A	000012	358	8.8	03
13	Trần Thu Hoài	14/09/2004	1001020974	KD10A	000013	489	6.8	03
14	Hoàng Thị Huế	06/08/2004	1001020134	KD10A	000014	562	6.8	03
15	Đỗ Phương Liên	11/05/2004	1001020162	KD10A	000015	631	7.2	03
16	Đồng Thị Ngọc Linh	25/08/2004	1001020166	KD10A	000016			03
17	Thân Ánh Linh	20/09/2004	1001020178	KD10A	000017	726	7.4	03
18	Nguyễn Khánh Ly	03/09/2004	1001020185	KD10A	000018	894	7.4	03
19	Nguyễn Ngọc Mai	19/03/2004	1001021017	KD10A	000019	143	6.4	03
20	Vũ Thị Phương Mai	25/08/2003	1001021409	KD10A	000020	215	6.6	03
21	Trần Thị Ngân	09/11/2004	1001020213	KD10A	000021	358	8.4	03
22	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	20/11/2004	1001020220	KD10A	000022	489	5.0	03
23	Bùi Thị Lan Nhi	08/07/2004	1001020226	KD10A	000023	562	4.4	03
24	Ngô Thị Yến Nhi	11/12/2004	1001021036	KD10A	000024	631	7.0	03
25	Hà Thị Nhung	04/02/2004	1001021038	KD10A	000025	726	7.8	03
26	Trần Thục Oanh	30/03/2004	1001020244	KD10A	000026	894	6.2	03

27	Đào Diễm	Tâm	23/10/2004	1001020685	KD10A	000027	143	5.6	03
28	Khúc Phương	Thảo	21/12/2004	1001020275	KD10A	000028	215	6.2	03
29	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	1001021057	KD10A	000029	358	4.6	03
30	Nhạc Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	1001020284	KD10A	000030	489	8.2	03
31	Vũ Thị Thanh	Thư	30/10/2004	1001020294	KD10A	000031	562	9.0	03
32	Ngô Thị Thùy	Vân	22/01/2004	1001020331	KD10A	000032	631	5.6	03
33	Nguyễn Thị Ngọc	Vui	31/07/2004	1001020338	KD10A	000033	726	7.6	03
34	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/08/2004	1001020045	KD10B	000034	894	6.0	03
35	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/07/2004	1001020063	KD10B	000035	215	8.0	03
36	Trịnh Thị Thanh	Hiền	17/10/2002	1001020122	KD10B	000036	358	7.6	03
37	Ngô Thị	Hương	24/05/2004	1001021403	KD10B	000037	489	8.6	03
38	Lê Thị	Huyền	30/04/2004	1001021750	KD10B	000038	562	6.0	03
39	Nguyễn Thị Minh	Khuê	30/08/2004	1001021416	KD10B	000039	631	9.0	03
40	Nguyễn Phương	Ly	13/11/2004	1001020186	KD10B	000040	726	3.6	03
41	Phạm Thị	Mến	23/07/2004	1001020198	KD10B	000041	894	6.2	03
42	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	1001020222	KD10B	000042	143	5.4	03
43	Lê Hồng	Nhung	04/02/2004	1001020239	KD10B	000043	215	6.6	03
44	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	1001020245	KD10B	000044	358	4.2	03
45	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	1001021051	KD10B	000045	489	7.0	03
46	Đỗ Thanh	Tâm	20/12/2004	1001020268	KD10B	000046	562	9.6	03
47	Đinh Thị Lan	Anh	08/04/2004	1001020019	KD10C	000047	631	6.6	03
48	Nguyễn Thị Phương	Anh	17/12/2004	1001021425	KD10C	000048	726	4.2	03
49	Trịnh Ngọc	Anh	21/06/2004	1001021405	KD10C	000049	894	4.8	03
50	Phạm Hồng	Ánh	19/08/2004	1001020062	KD10C	000050	143	5.2	03
51	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	1001020080	KD10C	000051	215	4.2	03
52	Bùi Thanh	Hằng	19/12/2004	1001020112	KD10C	000052	358	7.2	03
53	Đỗ Thị Thu	Hiền	22/01/2004	1001020968	KD10C	000053	143	7.4	03
54	Ngô Thu	Hương	12/03/2003	1001020141	KD10C	000054	215	9.0	03
55	Trần Khánh	Ly	09/10/2004	1001021014	KD10C	000055	358	9.0	03
56	Nguyễn Tuyết	Nhi	13/12/2004	1001021406	KD10C	000056	489	8.8	03
57	Vương Minh	Phú	18/10/2004	1001021559	KD10C	000057	631	8.6	03

58	Lưu Thị Hồng	Quyên	18/12/2004	1001021049	KD10C	000058	726	8.4	03
59	Nguyễn Thị Ngọc	Thơm	01/07/2004	1001020371	KD10C	000059	894	7.0	03
60	Luận Thị	Trang	18/08/2004	1001021575	KD10C	000060	143	9.2	03
61	Nguyễn Quỳnh	Trang	12/10/2004	1001021590	KD10C	000061	215	9.8	03
62	Lê Ngọc Tài	Tuyển	05/02/2004	1001020328	KD10C	000062	358	8.0	03
63	Nguyễn Thị	Quyên	02/11/2004	1001020260	KD10D	000063	562	5.4	04
64	Vũ Thảo	Anh	12/02/2004	1001020057	KD10E	000064	489	4.2	04
65	Nguyễn Thùy	Dương	14/11/2004	1001020095	KD10E	000065	631	4.8	04
66	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	1001020601	KD10E	000066	726	5.6	04
67	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	1001020065	KD10G	000067	894	6.6	04
68	Nguyễn Thị Lệ	Chi	05/07/2004	1001020947	KD10G	000068	143	8.8	04
69	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	1001021529	KD10G	000069	215	5.6	04
70	Nguyễn Thị	Hoài	28/07/2004	1001020973	KD10G	000070	358	6.4	04
71	Đỗ Thị	Huệ	17/04/2004	1001020975	KD10G	000071	562	6.2	04
72	Nguyễn Thị Mai	Hương	17/02/2004	1001021423	KD10G	000072	489	9.0	04
73	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	1001020157	KD10G	000073	562	4.4	04
74	Lại Thị Thảo	Ly	19/09/2004	1001021013	KD10G	000074	631	5.4	04
75	Lê Hoàng Bảo	Phương	15/11/2003	1001021043	KD10G	000075	726	5.0	04
76	Cao Thị	Thi	20/02/2004	1001020288	KD10G	000076	894	4.2	04
77	Trần Thị Hà	Thu	06/01/2004	1001021065	KD10G	000077	143	6.0	04
78	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	1001020900	KD10G	000078	215	5.8	04
79	Nguyễn Thùy	Trang	29/02/2004	1001020451	KD10G	000079	726	6.0	04
80	Đặng Thị Thảo	Vân	21/06/2004	1001021084	KD10G	000080	894	6.0	04
81	Đỗ Vân	Anh	23/12/2003	1001020023	KD10H	000081			04
82	Lê Thị Quỳnh	Anh	30/12/2004	1001020032	KD10H	000082	215	6.8	04
83	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	1001020061	KD10H	000083	358	7.0	04
84	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	1001021422	KD10H	000084	489	5.8	04
85	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	1001020082	KD10H	000085	143	6.6	04
86	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/10/2004	1001020099	KD10H	000086	562	7.6	04
87	Nguyễn Thu	Giang	21/11/2003	1001020100	KD10H	000087	631	7.4	04
88	Trần Ngọc	Hà	08/04/2004	1001021521	KD10H	000088	726	8.6	04

89	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	1001020119	KD10H	000089	894	8.0	04
90	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	1001020553	KD10H	000090	143	7.8	04
91	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	1001020129	KD10H	000091	215	7.0	04
92	Trần Thị	Huệ	26/03/2004	1001021533	KD10H	000092	358	7.6	04
93	Hà Thị Thu	Hương	28/09/2004	1001020978	KD10H	000093	143	7.8	04
94	Nguyễn Thị Xuân	Hương	05/08/2004	1001020142	KD10H	000094	215	7.2	04
95	Tạ Thị	Hương	07/07/2004	1001020143	KD10H	000095	358	7.0	04
96	Trần Thị	Huyền	26/07/2002	1001020990	KD10H	000096	489	8.0	04
97	Nguyễn Ngọc	Linh	21/11/2003	1001020173	KD10H	000097	562	7.6	04
98	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	1001020194	KD10H	000098	631	7.2	04
99	Đỗ Thị	Ngân	09/10/2004	1001021026	KD10H	000099	726	2.8	04
100	Nguyễn Minh	Ngọc	15/11/2004	1001021029	KD10H	000100	894	7.4	04
101	Bùi Thị	Nhung	09/09/2004	1001020653	KD10H	000101	143	7.0	04
102	Lê Thị Thu	Phương	12/08/2004	1001020249	KD10H	000102	215	6.0	04
103	Nguyễn Thị	Phương	20/04/2004	1001021045	KD10H	000103	358	8.0	04
104	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	1001021447	KD10H	000104	489	7.6	04
105	Nguyễn Thị	Yên	22/02/2004	1001020342	KD10H	000105	562	7.6	04

Tổng số bài: 102

Cán bộ chấm 1


Nguyễn Thị Bích Hường

Hưng Yên, Ngày 08 tháng 7 năm 2025

Cán bộ chấm 2


Trần Thị Thanh Vân